

NHÀ MÁY XI MĂNG BÌNH PHƯỚC
XƯỞNG KHAI THÁC
BÁO CÁO SẢN XUẤT

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

I. PHÂN ĐOẠN 1: KHAI THÁC

STT	NGUYÊN LIỆU	ĐVT	TỒN ĐẦU KỲ	NHẬP		XUẤT		TỒN CUỐI KỲ
				TRONG NGÀY	LŨY KẾ THÁNG	TRONG NGÀY	LŨY KẾ THÁNG	
1	ĐÁ VÔI KHAI THÁC		171.479,28	8.982,49	151.781,29	407,13	162.938,92	180.054,64
	1.1 - Đá vôi tồn tại bãi	tấn	12.999,22	2.274,73	9.943,24	39,70	11.540,78	15.234,25
	1.1.1 Đá vôi tồn tại bãi (trước cối)	tấn	12.999,22	2.274,73	9.943,24	39,70	11.540,78	15.234,25
	1.2 - Đá vôi khai thác tồn tại moong	tấn	158.480,06	8.982,49	151.781,29	2.642,16	161.341,38	164.820,39
	1.2.1 - BXVC đá vôi dưới moong đổ cối	tấn	-	-	-	367,43	141.214,29	-
	1.2.2 - BXVC đá vôi dưới moong đổ bãi	tấn	-	-	-	2.274,73	9.943,24	-
	- Nhà thầu Đức Việt 568	tấn	-	-	-	933,21	2.791,06	-
	- Nhà thầu Đức Minh TH	tấn	-	-	-	1.341,52	7.152,18	-
	1.2.3 - BXVC đá vôi cho nhà thầu gia công	tấn	-	-	-	-	10.183,85	-
	- Đá vôi phụ gia	tấn	-	-	-	-	5.163,99	-
	- Đá vôi phụ gia - Giàu silic	tấn	-	-	-	-	2.098,66	-
	- Đá Vôi Tại Mỏ Tà Thiết (Phú Hữu)	tấn	-	-	-	-	2.921,20	-
2	LATARITE		150.284,99	-	-	-	-	150.284,99

	2.1 - PXKT thực hiện	tấn	150.284,99	-	-	-	-	150.284,99
	2.2 - NT thực hiện	tấn	-	-	-	-	-	-
3	BÓC TẦNG PHỦ		-	-	-	-	-	-
	3.1 - PXKT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
	3.2 - Thuê Nhà thầu thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
4	PHI NGUYÊN LIỆU	m3	-	-	-	-	-	-
	4.1 - PXKT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
	4.2 - NT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
5	KHOAN		-	-	-	-	-	-
	5.1 - PXKT thực hiện	m	-	-	-	-	-	-
	5.2 - NT thực hiện (ĐM)	m	-	-	-	-	-	-
6	VẬT LIỆU NỔ		-	-	-	-	-	-
	6.1 - Thuốc nổ	kg	-	1.554,00	25.497,00	1.554,00	25.497,00	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-50mm	kg	-	-	-	-	-	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-60mm	kg	-	96,00	2.160,00	96,00	2.160,00	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-80mm	kg	-	144,00	5.160,00	144,00	5.160,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Bao 25kg)	kg	-	1.050,00	7.425,00	1.050,00	7.425,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Anfo D80)	kg	-	264,00	9.720,00	264,00	9.720,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Anfo D90)	kg	-	-	1.032,00	-	1.032,00	-
	6.2 - Mìn nổ	quả	-	63,00	1.358,00	63,00	1.358,00	-
	- Mìn nổ -175g	quả	-	63,00	1.358,00	63,00	1.358,00	-
	- Mìn nổ -400g	quả	-	-	-	-	-	-

6.3 - Kíp nổ	cái	-	128,00	2.471,00	128,00	2.471,00	-
- Kíp điện vi sai (2m)	cái	-	26,00	201,00	26,00	201,00	-
- Kíp phi điện TM 6 m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại TM 17 ms	cái	-	12,00	218,00	12,00	218,00	-
+ loại TM 25 ms	cái	-	1,00	10,00	1,00	10,00	-
+ loại TM 42 ms	cái	-	26,00	659,00	26,00	659,00	-
- Kíp phi điện XL.400ms	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 6m	cái	-	34,00	827,00	34,00	827,00	-
+ loại 8m	cái	-	6,00	121,00	6,00	121,00	-
+ loại 10m	cái	-	14,00	96,00	14,00	96,00	-
+ loại 15m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 12m	cái	-	9,00	318,00	9,00	318,00	-
+ loại 18m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 14m	cái	-	-	21,00	-	21,00	-
6.4 - Dây nổ	m	-	300,00	2.350,00	300,00	2.350,00	-
6.5 - Dây điện mạng	m	93.500,00	-	100.000,00	2.000,00	14.000,00	91.500,00